

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DSST
Ngày: 05- 02- 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đăng Tuấn
- Ông Tống Xuân Tú

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hà Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2023/TLST-DSST ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phan Thị H, sinh năm 1954
- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1955

Đều ở địa chỉ: thôn D, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

(Bà H có mặt tại phiên tòa; bà Nh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị H trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị Nh có quan hệ là hàng xóm của nhau. Trong năm 2018, bà Nh có vay của bà tổng số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), vay hai lần, cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: vào ngày 21-3-2018 (âm lịch), bà cho bà Nh vay số tiền 10.000.000 đồng. Bà Nh viết giấy với nội dung: ngày 21-3-2018 âm lịch chị H gửi em Nh 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lãi suất 0,9%/tháng.

Lần 2: vào ngày 01-8-2018 (âm lịch), bà cho bà Nh vay 60.000.000 đồng. Bà Nh viết giấy với nội dung: ngày 01-8-2018 âm lịch chị H gửi em Nh 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), lãi suất 0,9%/tháng.

Ngoài nội dung ghi trong giấy, bà và bà Nh đều thỏa thuận: khi bà cần tiền đòi thì bà Nh phải hoàn trả lại bà tiền gốc và lãi.

Sau khi vay tiền, bà Nh đã trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng trừ vào số tiền gốc, trả thành nhiều lần, không viết giấy và trả 03 tháng tiền lãi số tiền là 270.000 đồng, được ghi vào giấy vay lần 1. Còn lại 50.000.000 đồng tiền gốc, từ đầu năm 2019 cho đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Nh hoàn trả tiền cho bà nhưng bà Nh không trả. Số tiền bà cho bà Nh vay là tiền riêng của bà, không liên quan đến chồng bà.

Bà Nh trình bày, giữa bà và bà Nh thỏa thuận bằng miệng là bà Nh chỉ trả cho bà một nửa số tiền vay, nửa số tiền còn lại bà cho bà Nh là không đúng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nh phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Bà không yêu cầu bà Nh phải trả tiền lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-01-2024 và đơn đề nghị, bị đơn là Nguyễn Thị Nh đã trình bày: bà nhất trí với giấy gửi tiền đề ngày 01-8-2018 âm lịch do bà viết có ghi với nội dung bà có nhận vay bà Phan Thị H 60.000.000 đồng và bà có vay của bà H một lần khác với số tiền là 10.000.000 đồng, bà không nhớ ngày. Cả hai lần vay đều thỏa thuận lãi suất 0,9%/tháng, không quy định thời hạn trả. Tổng hai lần vay là 70.000.000 đồng, đây là khoản vay riêng của bà, không liên quan đến chồng bà.

Bà và bà H có thỏa thuận bằng miệng với nhau là bà chỉ phải trả cho bà H một nửa số tiền vay là 35.000.000 đồng, nửa còn lại bà H cho bà do bà rất khó khăn không có khả năng trả.

Bà đã trả bà H tổng số tiền là 20.000.000 đồng qua nhiều lần. Đến nay bà chỉ còn nợ bà H số tiền là: 35.000.000 đồng – 20.000.000 đồng = 15.000.000 đồng. Bà xin khất khi nào có điều kiện thì trả cho bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả cho bà H số tiền gốc còn lại là 50.000.000 đồng, bà không đồng ý. Bà không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị H; buộc bà Nguyễn Thị Nh phải trả bà Phan Thị H số tiền là 50.000.000 đồng.

Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: hợp đồng vay tài sản không có thời hạn giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào các ngày 21-3-2018 (âm lịch) và ngày 01-8-2018 (âm lịch); hai bên thỏa thuận khi nguyên đơn yêu cầu trả tiền thì bị đơn hoàn trả nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận. Ngày 11-12-2023, nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn là bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh phải trả số tiền vay gốc còn lại là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là 02 giấy vay tiền đề 21-3-2018 (âm lịch) và ngày 01-8-2018 (âm lịch) số tiền vay là 70.000.000 đồng. Bà Nh xác nhận số tiền vay của bà H hai lần là 70.000.0000 đồng. Bà H và bà Nh đều thống nhất việc bà Nh đã trả bà H số tiền là 20.000.000 đồng. Bà Nh khai, giữa bà Nh và bà H có thỏa thuận bằng miệng với nhau là bà Nh chỉ phải trả cho bà H một nửa số tiền vay là 35.000.000 đồng, nửa còn lại bà H cho bà Nh nhưng bà Nh không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự thỏa thuận trên. Như vậy, xác định số tiền gốc bà Nh còn nợ bà H là 50.000.000 đồng.

Nay, bà H yêu cầu bà Nh phải hoàn trả bà H toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Vì vậy, căn cứ vào Điều 357,

Điều 469 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Nh có trách nhiệm trả số tiền gốc còn lại là 50.000.000 đồng cho bà H.

[5] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Nh phải trả bà Phan Thị H số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Nh.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn là bà Phan Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Chuyên

